Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16.07.2019
08:23:53 +07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số:1564/SNNPTNT-TTr

Gia Lai, ngày 15 tháng 7 năm 2019

V/v phối hợp tuyên truyền, phổ biến về các loại thuốc bảo vệ thực vật đã cấm sử dụng ở Việt Nam

Kính gửi:
- Báo Gia Lai;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Gia Lai.

Ngày 03/01/2017 Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 03/QĐ- BNN-BVTV loại bỏ "Danh sách thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất **Carbendazim, Benomyl** và **Thiophanate-methyl** loại bỏ ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam". Các loại thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất trên chỉ được phép lưu hành tại Việt Nam đến hết ngày **03/01/2019**.

Ngày 08/02/2017 Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 278/QĐ-BNN-BVTV loại bỏ "Danh sách thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất **2.4 D** và **Paraquat** loại bỏ ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam". Các loại thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất trên chỉ được phép lưu hành tại Việt Nam đến hết ngày **08/02/2019**.

(Phụ lục tên thương mại các loại thuốc bảo vệ thực vật tại các Quyết định kèm theo).

Qua công tác thanh tra, kiểm tra 6 tháng đầu năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Sở đã phát hiện một số cơ sở kinh doanh còn tàng trữ, lưu thông, mua bán, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật đã cấm sử dụng tại Việt Nam nêu trên. Sở đã tiến hành xử lý vi phạm hành chính các cơ sở vi phạm và yêu cầu các cơ sở này thu gom toàn bộ những loại thuốc bảo vệ thực vật cấm lưu thông, sử dụng trả về nơi xuất xứ *(các Công ty sản xuất)* để tiêu hủy theo đúng quy định.

Nhằm tiếp tục khuyến cáo đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, người sử dụng biết không tàng trữ, lưu thông, mua bán, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật đã cấm.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Gia Lai phối hợp, đưa

tin tuyên truyền các văn bản nói trên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để các tổ chức, cá nhân, người sử dụng biết, không tàng trữ, mua bán, lưu thông, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật nêu trên ./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, TTr.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH GIA LAI

Đoàn Ngọc Có

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH THUỐC CHỨA HOẠT CHẤT CARBENDAZIM LOẠI KHỎI DANH MỤC ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-BNN-BVTV ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

TT	MÃ HS	TÊN HOẠT CHẤT NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1	3808	Azoxystrobin 125g/l + Carbendazim 500g/l	Azostargold 625SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
2	3808	Azoxystrobin 10g/l (10g/kg), (300g/l), (50g/l), (200g/kg) + Carbendazim 10g/l (170g/kg), (10g/l), (300g/l), (1g/kg) + Hexaconazole 60g/l (30g/kg), (10g/l), (20g/l), (565g/kg)	Amiusatop 80SC, 210WP, 320SC, 370SC, 766WG	**80SC**: khô vằn/lúa **210WP, 320SC, 370SC, 766WG:** lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
3	3808	Azoxystrobin 20g/l + Carbendazim 375g/l + Hexaconazole 30g/l	Luscar 425SC	Vàng lá chín sớm, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ hoa hồng; thán thư/ vải; rỉ sắt/ cà phê; vàng rụng lá/ cao su; sương mai/ hành	Công ty CP NN HP
4	3808	Carbendazim (min 98%)	Acovil 50 SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Adavin 500 FL	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
			Agrodazim 50 SL, 500SC	**50SL:** mốc sương/ khoai tây; đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều **500SC:** khô vằn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Appencarb super 50FL, 75WG	**50FL:** khô vằn/ lúa, bệnh thối/ xoài, thán thư/điều, thối khô quả/cà phê **75WG:** khô vằn/ lúa, thán thư/ đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
			Arin 25SC, 50SC, 50WP	**25SC:** vàng lá, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; nấm hồng/ cà phê **50SC:** đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ xoài, điều; rỉ sắt/ cà phê **50WP:** khô vằn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Baberim 500 FL	Đốm lá/ đậu tương; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
			Bavisan 50 WP	đạo ôn/ lúa, bệnh đốm lá/ đậu tương	Chia Tai Seeds Co., Ltd
			Benvil 50 SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Benzimidine 50 SC	lem lép hạt lúa, thán thư/ điều	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
			Binhnavil 50 SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ cà phê; đốm lá/ lạc; phấn trắng/ cao su; đốm lá/ bông vải	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Biodazim 500SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
			Cadazim 500 FL	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH - TM Nông Phát

			Carban 50 SC	vàng lá chín sớm/ lúa; chết cây con/ đậu; thán thư/ cà phê, điều, vải; héo đen đầu lá, vàng rụng lá, khô nứt vỏ/cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
			Carben 50 WP, 50 SC	**50WP:** khô vằn/ lúa, mốc xám/ rau **50SC:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; mốc xám/ cà chua	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Carbenda supper 50 SC, 60WP	**50SC:** lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài, vải, điều, thanh long; thối cổ rễ/ dưa hấu; thối quả/cà phê; vàng rụng lá/cao su; phấn trắng/cao su **60WP:** đốm nâu/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty CP Nông dược HAI
			Carbenvil 50 SC	đạo ôn/ lúa, thán thư/ rau	Sino Ocean Enterprises Ltd
			Carbenzim 50 WP, 500 FL	**50WP:** khô vằn/ lúa **500FL:** khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều; thối quả/ cà phê; Phấn trắng, đốm đen/hoa hồng; thán thư, vàng rụng lá, phấn trắng/cao su; đốm vòng/xà lách; thán thư/dưa hấu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Care 50 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
			Carbe-TB 500SC	Thán thư/xoài, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
			Car.td 500SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài	Công ty CP Thanh Điền
			Cavil 50SC, 50WP, 60WP	**50WP, 60WP:** khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê **50SC:** Thối hạch/lạc, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV I TW
			Carzenthai 50 SC	Thán thư/ vải	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
			Crop - Care 500 SC	khô vằn/ lúa, thán thư/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Daphavil 50 SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
			Dibavil 50FL, 50WP	**50FL:** khô vằn/ lúa, đốm lá/ bắp cải **50WP:** rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tếSARA
			Forsol 50SC, 50WP, 60WP	**50SC:** đạo ôn/ lúa **50WP:** khô vằn/ lúa **60WP:** khô vằn/ lúa, thán thư/ xoài	Forward International Ltd
			Glory 50SC	thán thư/ điều; khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ sắt, thán thư/cà phê,	Công ty TNHH Adama Việt Nam
			Kacpenvil 50WP, 500SC	**50WP:** lem lép hạt/ lúa, thối nhũn/ rau **500SC:** lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
			Megacarben 500SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
			Monet 50SC	khô vằn/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
			Nicaben 50SC, 500WP	**50SC:** thối quả/ cà phê; thán thư/xoài; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cao su	Công ty CP Nicotex

				500WP: Phấn trắng/ cao su	
			S-Cabedazim 500SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
			Scarbenindia super 500SC	thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM DV Thôn Trang
			Ticarben 50WP, 50SC	**50WP:** đạo ôn/ lúa, nấm hồng/ cao su **50SC:** vàng lá, lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
			Tilvil 500SC, 500WP	**500SC:** bệnh khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê **500WP:** đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Vicarben 50WP, 50SC	**50WP:** đốm lá/ ngô, thán thư/ hồ tiêu **50SC:** thán thư/ xoài, khô vằn/ lúa; thán thư/điều, cà phê; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Zoom 50WP, 50SC	**50WP:** khô vằn/ lúa **50SC:** đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ bầu bí, thán thư/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
5	3808	Carbendazim 230 g/l+ Cymoxanil 250g/l	TT-Tanos 480SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
6	3808	Carbendazim 50% + Cymoxanil 8% + Metalaxyl 8%	Love rice 66WP	chết cây con/ dưa hấu, vàng lá do nấm/ lúa, xì mủ/ sầu riêng; thán thư/ ớt; vàng rụng lá/ cao su; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/nho; thán thư/xoài	Công ty CP Thanh Điền
7	3808	Carbendazim 5g/l (50g/l) (500g/l) (100g/kg) (10g/kg) + Difenoconazole 250g/l (30g/l) (10g/l) (50g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 5g/l (350g/l), (10g/l) (400g/kg) (760g/kg)	Titanicgold 260EW, 430SC, 520SC, 550WP, 780WP	**260EW:** lem lép hạt/ lúa **430SC:** đạo ôn, lem lép hạt /lúa, gỉ sắt/cà phê **520SC:** khô vằn/ lúa **550WP, 780WP:** Đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
8	3808	Carbendazim 125 g/l+ Epoxiconazole 125g/l	Swing 25SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
9	3808	Carbendazim 230 g/l + Flusilazole 250 g/l	TT Take 48SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
10	3808	Carbendazim 1g/l (325g/l) + 49g/l (25g/l) Hexaconazole	Andovin 5SC, 350SC	**5SC:** lem lép hạt/ lúa **350SC:** lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
11	3808	Carbendazim 5g/l + Hexaconazole 50g/l	Calivil 55SC	đạo ôn, khô vằn / lúa; gỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
12	3808	Carbendazim 0.7% + Hexaconazole 4.8%	Vilusa 5.5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê, lạc; phấn trắng/ hoa cúc; nấm hồng/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
13	3808	Carbendazim 7g/l (5g/l), (95g/kg), (5g/l), (170g/kg), (230g/l), (300g/l)+ Hexaconazole 48g/l, (80g/l), (2g/kg), (105g/l), (30g/kg), (20g/l), (50g/l)	Arivit 55SC, 85SC, 97WP, 110SC, 200WP, 250SC, 350SC	**55SC, 85SC, 110SC, 350SC:**khô vằn/ lúa **97WP, 200WP:** lem lép hạt/ lúa **250SC:** Khô vằn/ lúa, ngô; thối quả/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
14	3808	Carbendazim 150g/l (200g/l) + 30g/l (50g/l) Hexaconazole	Do.One 180SC, 250SC	**180SC:** khô vằn/ lúa **250SC:** rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều, ớt; khô vằn, đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối	Công ty CP Đồng Xanh

				quả/cam	
15	3808	Carbendazim 150g/l (150g/l), (250g/l) + Hexaconazole 30g/l (30g/l), (25g/l)	Hexca 180EC, 180SC, 275EC	**180EC:** Vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt/cà phê **180SC:** vàng rụng lá/cao su; gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, vàng lá chín sớm /lúa **275EC:** Thán thư/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
16	3808	Carbendazim 220g/l (450g/l) + 30g/l (50g/l) Hexaconazole	Casuvin 250SC, 500SC	Gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt/lúa; vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
17	3808	Carbendazim 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Bencony 550SC	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
18	3808	Carbendazim 220 g/l + 30g/l Hexaconazole	Shakira 250SC	lem lép hạt/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH - TM Nông Phát
19	3808	Carbendazim 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Bivil 250SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Cây trồng Bình Chánh
20	3808	Carbendazim 250g/l (500g/l) + Hexaconazole 25g/l (25g/l)	Lansuper 275SC, 525SC	**275SC:** lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ khoai lang; ghẻ sẹo/ cam; thán thư/ dưa hấu **525SC:** rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ xoài, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
21	3808	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 25g/l	Vixazol 275 SC	lem lép hạt, thối bẹ/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư/xoài, điều, cà phê; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
22	3808	Carbendazim 450g/l + Hexaconazole 50g/l	Hc-vil 500SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
23	3808	Carbendazim 250g/l (150g/l), (400g/kg) + Hexaconazole 25g/l (200g/l), (200g/kg)	Siuvin 275SC, 350SC, 600WP	**275SC:** vàng lá do nấm/ lúa **350SC:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê **600WP:** vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH An Nông
24	3808	Carbendazim 125g/l (250g/l) + Hexaconazole 30g/l (50g/l)	Hexado 155SC, 300SC	**155SC:** phấn trắng/ nho; vàng lá, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô cành khô quả/ cà phê; đốm lá/ sắn **300SC:** vàng lá do nấm/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
25	3808	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 50g/l	Ao'ya 300SC	Vàng rụng lá / cao su	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Daric 300SC	Vàng rụng lá/ cao su, khô vằn/lúa, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài	Công ty CP Hóc Môn
26	3808	Carbendazim 300 g/l + Hexaconazole 30g/l	Daihexe 330 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
27	3808	Carbendazim 15g/l (490g/l) + Hexaconazole 40g/l (10 g/l)	V-T Vil 55SL, 500 SC	**55SL:** rỉ sắt/ cà phê **500SC:** khô vằn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa; đốm lá/lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; sẹo/ cam; đốm lá/ bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng
28	3808	Carbendazim 500 g/l + Hexaconazole 5 g/l	Biozol 505SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
29	3808	Carbendazim 170g/l + Hexaconazole 30g/l	Opamar 200SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
30	3808	Carbendazim 300g/l + Hexaconazole 50g/l	Saipora 350SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
31	3808	Carbendazim 51% + Hexaconazole 2% + Kasugamycin 2%	Carny super 55SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
32	3808	Carbendazim 7g/l (170g/kg), (510g/l) + Hexaconazole 50g/l	Mullingold 95SC, 300WP, 540SC	**95SC:** Vàng lá chín sớm, khô vằn/ lúa **300WP:** lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		(30g/kg), (10g/l) + Sulfur 38g/l (100g/kg), (20g/l)		**540SC:** rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ lúa	
33	3808	Carbendazim 200g/kg, (100g/l) + Hexaconazole 10g/kg, (30g/l) + Tricyclazole 440g/kg, (250g/l)	Andobeam 650WP, 380SC	**380SC:** khô vằn, đạo ôn/lúa **650WP:** Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
34	3808	Carbendazim 400g/kg + Hexaconazole 50g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Mothantilt 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
35	3808	Carbendazim 200g/l (400g/l), (400g/kg), (500g/kg) + Iprodione 50g/l (100g/l), (100g/kg), (250g/kg)	Andoral 250 SC, 500SC, 500WP, 750WP	**250SC, 500SC, 750WP:** lem lép hạt/ lúa **500WP:** khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
36	3808	Carbendazim 250g/kg + Iprodione 250g/kg	Tilral super 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
37	3808	Carbendazim 350g/l + Iprodione 150g/l	Rony 500SC	lem lép hạt / lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
38	3808	Carbendazim 100 g/kg + Iprodione 400 g/kg	Daroral 500WP	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
			Vkgoral 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
39	3808	Carbendazim 250g/l + Iprodione 255 g/l	Gold cat 505SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
40	3808	Carbendazim 87.5g/l + Iprodione 175 g/l	Calidan 262.5 SC	khô vằn, vàng lá, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
41	3808	Carbendazim 200g/kg + Isoprothiolane 200g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Cittiz 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nam MêKong
42	3808	Carbendazim 100g/kg (200g/kg) + Isoprothiolane 200g/kg (200g/kg) + Tricyclazole 350g/kg (350g/kg)	Citigold-TSC 650WP, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
43	3808	Carbendazim 277g/kg + Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Fujibem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế HòaBình
44	3808	Carbendazim 50 g/l (10g/kg) +Isoprothiolane 130 g/l (200g/kg) + 300g/l (400g/kg) Tricyclazole	Ricesilk 480SE, 700WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
45	3808	Carbendazim 400g/kg + Kasugamycin 25g/kg + Tricyclazole 352g/kg	Sieubem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
46	3808	Carbendazim 120g/kg + Mancozeb 630g/kg	Cama-PL 750WP	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Phan Lê
47	3808	Carbendazim 62 g/kg + Mancozeb 738 g/kg	Carmanthai 80WP	Thối quả/ xoài	Công ty CP Bình Điền MeKong
48	3808	Carbendazim 12% + Mancozeb 63%	Saaf 75 WP	đạo ôn/ lúa, đốm nâu/ lạc, thán thư/ điều, mốc sương/ dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
49	3808	Carbendazim 300g/l (120g/kg) (60g/kg), (150g/kg) + Mancozeb 300g/l (630g/kg), (740g/kg), (700 g/kg)	Megazebusa 600SC, 750WP, 800WP, 850WP	**600SC:** đốm lá/hoa hồng **750WP:**Vàng lá chín sớm/lúa **800WP:** loét sọc mặt cạo/cao su **850WP:** Mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
50	3808	Carbendazim 500g/l + Metalaxyl 100g/l	Co-mexyl 600SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Baconco

51	3808	Carbendazim 450g/kg + Ningnanmycin 18g/kg + Tricyclazole 309g/kg	Blubem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
52	3808	Carbendazim 100g/kg + Prochloraz 400g/kg	Prozim 500WP	Khô vằn, đạo ôn/lúa; thối khô/ cao su; thối quả/ cà phê; thán thư/ ớt	Sundat (S) PTe Ltd
53	3808	Carbendazim 150g/l + Propiconazole 150g/l	Dosuper 300 EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
54	3808	Carbendazim 200g/l + Propiconazole 100g/l	Nofatil super 300EW	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
55	3808	Carbendazim 5g/l + Propiconazole 120g/l + Tricyclazole 400g/l	Siulia 525SE	Đạo ôn, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
56	3808	Carbendazim 500g/kg + Sulfur 100g/kg	Cacpenjin 600WP	khô vằn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
57	3808	Carbendazim 150 g/l + Tetraconazole (min 94%) 125g/l	Eminent Pro 125/150SE	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
58	3808	Carbendazim 250g/l + Triadimefon 100g/l	Kalabas 350SC	ri sắt/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
59	3808	Carbendazim 450 g/kg (30g/kg) + Tricyclazole 50g/kg (720g/kg)	Milvil super 500WP, 750WP	**500WP:** lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa; vàng lá/lúa **750WP:** đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
60	3808	Carbendazim 300g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Javibean 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
61	3808	Carbendazim 400g/kg + Tricyclazole 100g/kg	Kita-hope 500WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Kital
62	3808	Carbendazim 42% + Tricyclazole 8%	Benzo 50 WP	đạo ôn, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
63	3808	Carbendazim 9.2% + Tricyclazole 5.8% + Validamycin 5%	Carzole 20 WP	khô vằn, đạo ôn/ lúa; thối quả, nấm hồng, ri sắt/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty CP Nông nghiệp HP
64	3808	Carbendazim 50g/kg + Tricyclazole 100g/kg + Validamycin 100g/kg	Dacarben 250WP	Đạo ôn/lúa	Rotam Asia Pacific Limited
65	3808	Carbendazim 50% + Sulfur 20%	Vicarben - S70WP	phấn trắng/ vải, ri sắt/đậu tương, lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
66	3808	Carbendazim 235 g/l + Thiram 265 g/l	Viram Plus 500 SC	phấn trắng/ xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
67	3808	Carbendazim 5% + ¥-NAA + P_2O_3 + K_2O + N_2 + vi lượng	Solan 5 WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
68	3808	Chlorothalonil 500g/l + Carbendazim 100g/l	Dacomicl 600SC	Ri sắt/ hoa hồng	Công ty CP NN HP
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:					
69	3808	Chlorothalonil 45% + Carbendazim 10%	KAA-Antiblu CC 55SC	trừ nấm để bảo quản gỗ	Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam
V. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG					
70	3808	Carbendazim 250g/l + Imidacloprid 250 g/l + Thiram 100 g/l	Doright 600FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
71	3808	Imidacloprid 25% (300g/l) + Carbendazim 10% (20g/l) + Thiram 5% (120g/l)	Enaldo 40FS, 440FS	**40FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ lạc **440FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH THUỐC CHỨA HOẠT CHẤT BENOMYL LOẠI KHỎI DANH MỤC ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-BNN-BVTV ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

TT	MÃ HS	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

		- NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	PHẨM (TRADE NAME)	(CROP/PEST)	ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:					
1	3808	Benomyl (min 95 %)	Bemyl 50 WP	bệnh khô hoa, trái non/ điều; bệnh ghẻ/ cây có múi; vàng lá/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
			Bendazol 50 WP	vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa; thán thư/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Benex 50 WP	khô vằn/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
			Benofun 50 WP	vàng lá/ lúa, đốm lá/ đậu phộng	Zagro Singapore Pte Ltd
			Benotigi 50 WP	vàng lá/ lúa, phấn trắng/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Bezomyl 50WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
			Binhnomyl 50 WP	đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ đậu tương; sương mai/ khoai tây; rỉ sắt/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
			Fundazol 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
			Funomyl 50 WP	vàng lá/ lúa	Forward International Ltd
			Tinomyl 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
			Viben 50WP	Vàng lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
2	3808	Benomyl 10% + Bordeaux 45% + Zineb 20%	Copper - B 75 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
3	3808	Benomyl 25% + Copper Oxychloride 25%	Viben - C 50 WP	vàng lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
4	3808	Benomyl 100 g/kg, (5g/kg) + Iprodione 100 g/kg, (245g/kg)	Ankisten 200 WP, 250WP	**200WP:** lem lép hạt/ lúa **250WP:** lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
5	3808	Benomyl 25 % + Mancozeb 25 %	Bell 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
6	3808	Benomyl 17% + Zineb 53%	Benzeb 70 WP	vàng lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; sương mai/ khoai tây	Công ty CP BVTV Sài Gòn

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH THUỐC CHỨA HOẠT CHẤT THIOPHANATE METHYL LOẠI KHỎI DANH MỤC ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-BNN-BVTV ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

TT	MÃ HS	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1	3808	Azoxystrobin 180g/l (360g/kg) + Hexaconazole 80g/l (160g/kg) + Thiophanate methyl 120g/l (240g/kg)	Autovin 380SC, 760WP	**380SC:** Vàng lá chín sớm/ lúa **760WP:** Thán thư/ vải, rỉ sắt/cà phê; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; mốc sương/cà chua	*Công ty TNHH An Nông*
2	3808	Chlorothalonil 250g/l + Thiophanate methyl 250g/l	Taratek 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
3	3808	Fenbuconazole 400g/kg + Hexaconazole 200g/kg	Fenxatyl 750WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông

		+ Thiophanate methyl 150g/kg			
4	3808	Fluquinconazole (min 97%) 400g/kg + Myclobutanil 100g/kg + Thiophanate methyl 200g/kg	Mycotyl 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
5	3808	Flutriafol 500g/kg + Hexaconazole 150g/kg + Thiophanate methyl 100g/kg	Fluxanat 750WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
6	3808	Hexaconazole 120g/l (240g/kg) + Myclobutanil 135 g/l (290g/kg) + Thiophanate methyl 135g/l (247g/kg)	Usagold 390SC, 777WP	**390SC:** vàng lá chín sớm/ lúa **777WP:** thán thư/ vải, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
7	3808	Hexaconazole 250g/l (500g/kg) + Thiophanate methyl 200g/l (280g/kg)	Anhteen super 450SC, 780WP	**450SC:** vàng lá/ lúa **780WP:** Lem lép hạt/lúa, đốm lá/đậu xanh, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH An Nông
8	3808	Isoprothionale 400g/kg + Thiophanate Methyl 100g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Kachiusa 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
9	3808	Oxolinic acid 130g/kg (500g/kg) + Salicylic acid 30g/kg (100g/kg) + Thiophanate Methyl 40g/kg (180g/kg)	Shaner super 200WP, 780WP	**200WP:** Thối nhũn/bắp cải **780WP:** Lem lép hạt, bạc lá, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH An Nông
10	3808	Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + 200 g/kg (250 g/kg) Tricyclazole + Thiophanate Methyl 50g/kg (30g/kg)	Vatinew 500WP, 780WG	**500WP:** lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), đạo ôn/ lúa **780WG:** Lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
11	3808	Tebuconazole 400g/kg + Thiophanate methyl 100g/kg + 250g/kg Trifloxystrobin	Niyoko 750WG	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
12	3808	Thiophanate-Methyl (min 93 %)	Agrotop 70 WP, 400SC	**70WP:** mốc xám/ cà chua, thối gốc/ khoai tây, khô vằn/ lúa **400SC:** vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
13			Binhsin 70 WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ dưa hấu, lạc; sương mai/ cà chua, khoai tây; thán thư/ nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd.
14			Cantop - M 72WP	phấn trắng/ dưa, thối quả/ cà chua	Công ty CP TST Cần Thơ
15			Coping M 70 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
16			Danatan 70WP	héo rũ/ dưa hấu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
17			Emxinh M 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
18			Fusin - M 70 WP	đạo ôn/ lúa	Forward International Ltd
19			Jiatop 70WP	vàng lá do nấm/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH THUỐC CHỨA HOẠT CHẤT PARAQUAT LOẠI KHỎI DANH MỤC ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-BNN-BVTV ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	MÃ HS	Tên hoạt chất	Tên thương phẩm	Đối tượng phòng trừ	Tên cá nhân, tổ chức đăng ký
1	3808	Glyphosate IPA Salt 5g/l + Paraquat 195g/l	Gaxaxone 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
2	3808	Paraquat (min 95%)	Agamaxone 276 SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM An Hưng Phát
			Alfaxone 20 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
			Axaxone 200SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Cali - Parimex Inc.
			Best top 20SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
			BM - Agropac 25SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Behn Meyer Agcare LLP
			Catoxon TSC 200SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
			Cỏ cháy 20 SL, 420SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH An Nông
			Domaxon 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Dracofir 42SL	cỏ/ đất không trồng trọt, cà phê	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
			Exuma 210SL	cỏ/đất không trồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
			Fagon 20SL	cỏ/ cà phê, ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược HAI
			Fansipan 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
			Forxone 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Forward International Ltd
			Gfaxone 20 SL, 40SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Việt Thắng
			Gfaxon gold 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Ôtô Việt Thắng
			Gramoxone 20 SL	cỏ trong ruộng, cỏ bờ ruộng/ lúa, ngô, sắn, mía, cao su, cà phê, đậu tương, điều, khoai lang, đất không trồng trọt; cỏ/ thuốc lá, bông vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
			Gronmanxone 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Us.Chemical
			Hagaxone 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
			HD-Gpaxone 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
			Heroquat 278 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
			Jiaquat 20SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
			K.waka 200SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
			Lagoote 210SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

			Lanmoxone 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH SX-TM & DV Thu Loan
			Megastart 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
			Nimaxon 20 SL, 30SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
			Owen 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
			Para.dx 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đồng Xanh
			Paranex 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Adama
			Paraxon 20 SL	cỏ/ ngô	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Parato 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH BMC
			Paride 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
			Pesle 276 SL	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Power up 275SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Quack-adi 200SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
			Quash 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
			Quasong 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
			Ramaxone gold 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
			Rapid 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
			Rubvin 276SL	Cỏ/ ca cao, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
			Thaiponxon 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM Thái Phong
			Tungmaxone 20 SL	cỏ/ ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Uniquat 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
			Volcan 276 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Asia Care Solutions Ltd.
			Zizu 20SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH ADC